

P, ngày 13 tháng 11 năm 2020

Số: 123/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu L, xã B, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Tô Thế D (tức Tô Xuân M), sinh năm 1981.

Địa chỉ: khu M, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiến Văn T.

Địa chỉ: Số 2, Láng H, Thành C, Ba Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá T1, Giám đốc Phòng giao dịch Tử Đà. Theo văn bản ủy quyền 2965/QĐ-NHN_o-PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn: Giữa chị Lê Thị Ngọc H và anh Tô Thế D tức Tô Xuân M

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tô Thị Thu H1, sinh ngày 17/10/2010 từ tháng 11/2020 cho đến khi thành niên. Giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tô Đình H2, sinh ngày 08/10/2012 từ tháng 11/2020 cho đến khi thành niên. Chị H, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau do không ai yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Anh M, chị H xác định như sau:

- Về tài sản chung là: Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 30, diện tích 188m² (Trên đất có xây một ngôi nhà cấp bốn có diện tích 90m²). Địa chỉ khu 7, xã T, huyện N, tỉnh

Phú Thọ. Đất được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 985932 ngày 25/9/2013 cho bà Lê Thị Ngọc H và ông Tô Xuân M.

- Về nợ chung: anh M, chị H xác nhận vợ chồng có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện phù Ninh Phú Thọ II - Phòng Giao dịch Đ số tiền gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số: 2709LAV201903921 ngày 30/10/2019.

2.3. Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia tài sản chung, nợ chung theo biên bản thỏa thuận được ký kết ngày 05/11/2019 giữa anh M, chị H, ông T1, cụ thể thỏa thuận như sau:

- Giao cho chị H được quyền sở hữu và sử dụng thửa đất số 147, tờ bản đồ số 30, diện tích 188m² và có xây một ngôi nhà cấp bốn có diện tích 90m². Địa chỉ khu 7, xã, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Đất được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 985932 ngày 25/9/2013 cho bà Lê Thị Ngọc H và ông Tô Xuân M.

- Chị H có nghĩa vụ trả khoản nợ gốc đã vay là: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và lãi phát sinh cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo hợp đồng đã ký kết số 2709LAV201903921 ngày 30/10/2019 tại Phòng giao dịch T. Trường hợp chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án và xử lý tài sản thế chấp.

2.3. Về công sức đóng góp: Anh M, chị H cùng xác định không có.

2.4. Về án phí: Chị H nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tiền án phí chị Hường phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2020/0000769 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị H đã nộp đủ. Hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, V. Phòng.

THẨM PHÁN

Phạm Hồng Vân